

Sè: 869 /CTKTCTTL-KTKH

Bình Thuận, ngày 27 tháng 6 năm 2022

V/v báo cáo nội dung công bố công khai
thông tin trên Websile của doanh nghiệp

Kính gửi: Sở tài chính Bình Thuận

Căn cứ Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2022 của Chính Phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp.

Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Bình Thuận kính báo cáo Sở tài chính về nội dung công bố công khai của Doanh nghiệp theo Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2022 của Chính Phủ, cụ thể như sau:

1. Nội dung công bố thông tin

- Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 (đính kèm Biểu 3 – Phụ lục II).

- Báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ công ích và trách nhiệm xã hội năm 2021 (đính kèm Biểu số 4 – Phụ lục II) .

- Báo cáo thực trạng quản lý và cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp năm 2021 (đính kèm Biểu số 6 – Phụ lục II) .

2. Hình thức công bố thông tin:

Công ty đã thực hiện công bố thông tin trên trang thông tin điện tử www.thuyloibinhthuan.vn

Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Bình Thuận kính báo cáo Sở tài chính biết để việc theo dõi và tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BGD Công ty;
- KTKH (Thành)
- Lưu VT.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Huệ

Bình Thuận, ngày 27 tháng 6 năm 2022

Số:

PHỤ LỤC II

Biểu số 3: BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

- Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:
 - + Tổng doanh thu: 200.687 triệu đồng, đạt 101,9% so với kế hoạch.
 - + Lợi nhuận trước thuế: 5.815 triệu đồng, đạt 100,3% so với kế hoạch.
 - + Lợi nhuận sau thuế: 5.306 triệu đồng, đạt 97,7% so với kế hoạch.
 - + Tổng số đã nộp ngân sách: 9.040 triệu đồng, đạt 96,4% so với kế hoạch.
- Về thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, thực hiện nhiệm vụ cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích do nhà nước giao kế hoạch:
 - + Sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi: 115.124,3664 ha, đạt 101,8% so với kế hoạch.
 - + Sản phẩm dịch vụ thủy lợi tự thu: 175 ha, đạt 324,1% so với kế hoạch.
 - + Sản phẩm dịch vụ thủy lợi tự thu: 98.030 m³, đạt 22,5% so với kế hoạch.
- Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
 - + Thuận lợi: Trong năm 2021, được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và các Sở, Ban ngành liên quan. Công ty đã triển khai thực hiện các nhiệm vụ, tập trung khai thác và điều tiết cân đối đủ nguồn nước tưới, tiêu phục vụ cho việc sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt của nhân dân trên địa bàn tỉnh.

+ Khó khăn:

Đặc điểm công trình nằm rải rác trên địa bàn toàn tỉnh và xa khu dân cư, chủ yếu nằm ở vùng sâu, vùng xa với điều kiện kinh tế khó khăn; công trình chịu nhiều tác động bất lợi của tình hình thời tiết như bão lũ và hạn hán. Phần lớn các công trình chủ yếu là đất đá chưa được kiên cố hóa, công tác quản lý vận hành còn mang tính thủ công. Do vậy việc tổ chức quản lý khai thác và bảo vệ công trình hết sức phức tạp.

Vướng mắc trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật để ban hành giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi: Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi hàng năm phải trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua (theo 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2019), quy trình xây dựng ban hành văn bản quy phạm pháp luật mất khá nhiều thời gian; Công ty không chủ động được trích sử dụng 2 quỹ khen thưởng phúc lợi (theo Thông tư số 73/2018/TT-BTC ngày 15/8/2018 của Bộ Tài chính).

Khó khăn trong thực hiện việc trả tiền thuê đất và thuế đất (do tài sản sản của Công ty chủ yếu là các công trình thủy lợi)



BẢNG SỐ 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Giá trị thực hiện	Giá trị thực hiện của cả tổ hợp công ty mẹ - công ty con (nếu có) (*)
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất				
a)	Sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi				
b)	Sản phẩm dịch vụ thủy lợi tự thu				
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	196,906	200,687	
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	5,8	5,815	
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	5,431	5,306	
5	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước	Tỷ đồng	9,381	9,040	
6	Kim ngạch xuất nhập khẩu (Nếu có)	Tỷ đồng			
7	Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có)				
7.1	Sản phẩm được hỗ trợ dịch vụ công ích thủy lợi	Ha	113.049,7809	115.124,3664	
7.2	Sản phẩm dịch vụ thủy lợi tự thu	Ha	54	175	
7.3	Sản phẩm dịch vụ thủy lợi tự thu	m ³	436.049	98.030	
8	Tổng số lao động	Người	590	575	
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	55,561	66,390	
a)	Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	1,470	1,341	
b)	Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	54,091	65,049	



II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN.

1. Đánh giá tình hình thực hiện các Dự án có tổng mức vốn từ nhóm B trở lên (theo phân loại quy định tại Luật Đầu tư công); tiến độ thực hiện; những khó khăn, vướng mắc trong trường hợp dự án không đảm bảo tiến độ đã được phê duyệt.

BẢNG SỐ 2: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ CỦA DOANH NGHIỆP(Công ty không phát sinh)

Bình Thuận, ngày 27 tháng 6 năm 2022

Biểu số 4: BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI (NẾU CÓ) NĂM 2021

I. MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch (%)
1	Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện trong năm				
1.1	Sản phẩm được hỗ trợ dịch vụ công ích thủy lợi	Ha	113.049,7809	115.124,3664	101,8%
1.2	Sản phẩm dịch vụ thủy lợi tự thu	Ha	54	175	324,1%
1.3	Sản phẩm dịch vụ thủy lợi tự thu	m ³	436.049	98.030	22,5%
2	Chi phí phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện trong năm	Triệu đồng	160.652	160.196	99,7%
3	Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích trong năm	Triệu đồng	164.606	163.386	99,3%

II. TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA DOANH NGHIỆP

1. Trách nhiệm bảo vệ môi trường.
2. Trách nhiệm đóng góp cho cộng đồng xã hội.
3. Trách nhiệm với nhà cung cấp.
4. Trách nhiệm bảo đảm lợi ích và an toàn cho người tiêu dùng.
5. Trách nhiệm đảm bảo lợi ích cho cổ đông và người lao động trong doanh nghiệp.



BIỂU SỐ 6
BÁO CÁO THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC
CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2021

CÔNG TY TNHH MTV KTCT
THỦY LỢI BÌNH THUẬN

MSDN: 3400177494

Số: 869...../KTCTTLBT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Thuận, ngày 27 tháng 6 năm 2022

I. THÔNG TIN VỀ CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU

- Cơ quan đại diện chủ sở hữu: Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bình Thuận
- Người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu:
 - + Ông: Lê Tuấn Phong : Chủ tịch Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bình Thuận
 - + Ông: Nguyễn Minh : Phó Chủ tịch Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bình Thuận
 - + Ông: Nguyễn Văn Phong : Phó Chủ tịch Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bình Thuận
 - + Ông: Phan Văn Đăng : Phó Chủ tịch Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bình Thuận

2. Các quyết định có liên quan của Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

Thống kê các quyết định có liên quan của cơ quan đại diện chủ sở hữu theo Bảng số 1.

BẢNG SỐ 1: CÁC QUYẾT ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN CỦA CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU

TT	Số văn bản	Ngày	Nội dung <i>(nếu tóm tắt nội dung chính của văn bản)</i>
1	Quyết định số 3350/QĐ-UBND	01/12/2021	QĐ Phê duyệt điều chỉnh diện tích được hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021.
2	Quyết định số 3365/QĐ-UBND	01/12/2021	QĐ về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng lao động, tiền lương, thù lao năm 2021 của người lao động và viên chức quản lý.
3	Quyết định số 664/QĐ-UBND	15/3/2022	QĐ về việc sửa đổi bổ sung quỹ tiền lương kế hoạch năm 2021 của viên chức quản lý.
4	Quyết định số 722/QĐ-UBND	18/03/2022	QĐ về việc phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2021 của Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên tại Công ty TNHH MTV do UBND tỉnh năm giữ 100% vốn điều lệ.
5	Quyết định số 451/QĐ-UBND	14/02/2022	QĐ về việc điều chỉnh dự toán kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm dịch vụ thủy lợi năm 2021 của Công ty

II. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

1. Danh sách người quản lý doanh nghiệp: liệt kê thông tin cụ thể theo Bảng số 2.

BẢNG SỐ 2: DANH SÁCH NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Kinh nghiệm nghề nghiệp	Các vị trí quản lý đã nắm giữ
1	Nguyễn Hữu Huệ	1973	Thạc sỹ thủy lợi	22 năm kinh nghiệm	Phó trạm QLĐM&KC hồ Cà giầy, Trưởng trạm Hồ Cà giầy, phó giám đốc chi nhánh Bắc Bình, Phó giám đốc chi Hàm Thuận Bắc; Phó Tổng giám đốc công ty từ 01/11/2018, Phó Tổng giám đốc phụ trách Công ty từ tháng 7/2019, Phó Tổng giám đốc phụ trách Công ty từ tháng 01/2020, Tổng giám đốc Công ty từ ngày 27/5/2021, Giao quyền Chủ tịch Công ty từ ngày 08/12/2021.
2	Nguyễn Hữu Tuấn	1972	Thạc sỹ công trình thủy	22 năm kinh nghiệm	Phó phòng kỹ thuật từ 03/2003 – 04/2006, Trưởng phòng kỹ thuật từ 04/2006 – 06/2014, Phó Tổng giám đốc Công ty từ ngày 01/7/2014 đến nay
3	Vũ Thông Phán	1961	Kiểm soát viên Công ty	31 năm kinh nghiệm	Phó Tổng giám đốc từ 02/2006 – 10/2018, Kiểm soát viên Công ty từ ngày 06/11/2018 đến ngày 01/5/2021 nghỉ hưu.
4	Trương Thị Bích Vân	1976	Cử nhân kế toán	11 năm kinh nghiệm	Nhân viên Phòng Kinh tế - Kế hoạch từ tháng 6/2010 – 8/2020, Phó trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch từ 05/8/2020 - 30/11/2021, Kiểm soát viên Công ty từ ngày 01/12/2021 đến nay
5	Nguyễn Đức Thành	1970	Thạc sỹ kinh tế	21 năm kinh nghiệm	Phó phòng tài vụ từ 5/2005 – 9/2007, Trưởng phòng kinh tế kế hoạch và kế toán trưởng Công ty từ ngày 10/2007 đến nay

2. Tiền lương, thù lao và lợi ích khác của người quản lý doanh nghiệp.

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác của từng người quản lý doanh nghiệp theo Bảng số 3.

BẢNG SỐ 3: TIỀN LƯƠNG, THƯỞNG CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

TT	Họ và tên	Chức vụ	Mức lương	Hệ số	Tiền lương/năm	Tiền thưởng, thu nhập khác
1	Nguyễn Hữu Huệ	Tổng giám đốc Công ty	37.258.754	Công ty hạng I	447.105048	
2	Nguyễn Hữu Tuấn	Phó tổng giám đốc Công ty	31.738.939	Công ty hạng I	380.867.268	
3	Vũ Thông Phán	Kiểm soát viên	33.118.893	Công ty hạng I	132.475.572	
3	Trương Thị Bích Vân	Kiểm soát viên	33.118.893	Công ty hạng I	33.118.893	
4	Nguyễn Đức Thành	Kế toán trưởng	28.979.031	Công ty hạng I	347.748.372	

3. Hoạt động của Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch công ty.

Thông tin về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Hội đồng quản trị liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, đấu thầu, mua sắm tài sản... theo Bảng số 4.

BẢNG SỐ 4: CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN/ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ HOẶC CHỦ TỊCH CÔNG TY

TT	Số văn bản	Ngày	Người ký, ban hành	Nội dung <i>(nếu tóm tắt nội dung chính của văn bản)</i>
1	Số 112 /TB-CTKTCTTL	09/3/2021	Phó tổng giám đốc phụ trách	Thông báo về việc giao chỉ tiêu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2021

III. BAN KIỂM SOÁT VÀ KIỂM SOÁT VIÊN

1. Thông tin về Ban kiểm soát và Kiểm soát viên.

BẢNG SỐ 5: DANH SÁCH BAN KIỂM SOÁT VÀ KIỂM SOÁT VIÊN

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Tỷ lệ tham dự họp
1	Vũ Thông Phán	1961	Kỹ sư Thủy lợi	Kiểm soát viên	Từ ngày 06/11/2018 đến ngày 01/5/2021 nghỉ hưu	
2	Trương Thị Bích Vân	1976	Cử nhân kế toán	Kiểm soát viên	01/12/2021	

2. Các báo cáo của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên.

- Ngày 27/4/2021 Báo cáo của kiểm soát viên về kết quả kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động quý 1 năm 2021 của Công ty.

- Ngày 13/01/2022 Báo cáo số: 02/BC-KSV của kiểm soát viên về việc Thẩm định quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2021 của người lao động và viên chức quản lý của Công ty.

IV. BÁO CÁO KẾT LUẬN CỦA CƠ QUAN THANH TRA (nếu có)

V. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

1. Danh sách Người có liên quan của doanh nghiệp.

BẢNG SỐ 6: DANH SÁCH VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Tên tổ chức, cá nhân	Chức vụ (nếu có)	Địa chỉ trụ sở chính/ địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do không còn là người liên quan
1	Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân- Chi nhánh Tổng Cty Phát điện 3-Cty cổ phần	Thiên Thanh Sơn (Giám đốc)	Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2, T. Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Tân, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận			
2	Công ty CPKS và TM Sao Mai	Nguyễn Văn Mạnh (Tổng Giám đốc)	169-171 Tôn Đức Thắng, Phú Thủy, tp Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	31/12/2020	06/10/2021	Chấm dứt hợp đồng(chuyên nhượng cho Cty TNHH MTV Nhà máy xi Titan Hưng Thịnh)
3	Công ty TNHH MTV Nhà máy xi Titan Hưng Thịnh	Phạm Văn Định (Chủ tịch Cty)	Thôn Hồng Thắng, xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận	08/10/2021		
4	Công ty cổ phần cấp thoát nước Bình Thuận	Nguyễn Nhật Khánh (Giám đốc)	137- Lê Hồng Phong, Phú Trinh, Thành phố Phan Thiết, Bình Thuận			
5	Công ty cổ phần Bình Hiệp	Lý Xuân Hùng (Giám đốc)	A6-A7- KDC Kênh Bàu, Phường Xuân An, Thành phố Phan Thiết, Bình Thuận			
6	Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông	Trần Văn Liêm (Giám đốc)	61- Cao Thắng, Bình Hưng, Thành phố Phan			

	thôn BT		Thiết, Bình Thuận			
7	Nhà máy nước Tân Tiến	Chu Quang Vinh (Giám đốc)	Thôn Hiệp Cường, Xã Tân Tiến, Thị xã La Gi, Bình Thuận			
8	Ban Quản Lý công trình công cộng huyện Bắc Bình	Phạm Thế Mỹ (Trưởng ban)	Thôn Thái Thành, Xã hồng Thái, Xã Hồng Thái, Huyện Bắc Bình, Bình Thuận			
9	Công ty TNHH xây lắp Trường An	Phạm Công Thừa (Giám đốc)	259- đường 19/4, Xuân An, Thành phố Phan Thiết, Bình Thuận			
10	Công ty TNHH xây lắp Thọ Tân	Nguyễn Hữu Thọ (Giám đốc)	26- Nguyễn Thượng Hiền, Võ Xu, Đức Linh, Bình Thuận			
11	Công ty TNHH tổng hợp Liên Sơn	Lê Văn Lâm (Giám đốc)	Lô A2/6- Khu Bến Lợi, Lại An, Thôn Thăng Thuận, Xã Hàm Thắng, Huyện Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận			
12	Công ty Cổ phần TVĐT XD Hải Long Việt	Lê Ngọc Thăng (Giám đốc)	Số 05 Khu phố Lâm Giáo, Thị trấn Ma Lâm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận			
13	Công ty TNHH TM-DV Tiến Lộc	Nguyễn Đức Hạnh (Giám đốc)	F6 Lê Đại Hành, phường Phú Hải, TP. Phan Thiết tỉnh Bình Thuận			
14	Công ty TNHH XL-TM Long Phát	Nguyễn Tường Long (Giám đốc)	L1.64 Khu TDC Đông Xuân An, Phường Phú Thủy, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận			

15	Công ty TNHH Tổng hợp Việt Long	Vũ Thị Thu (Giám đốc)	Thôn Thắng Thuận - xã Hàm Thắng - huyện Hàm Thuận Bắc - Tỉnh Bình Thuận			
----	---------------------------------	-----------------------	---	--	--	--

2. Thông tin về giao dịch với các bên có liên quan.

BẢNG SỐ 7: THÔNG KÊ VỀ CÁC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

TT	Tên tổ chức, cá nhân	Thời điểm giao dịch	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch	Số Nghị quyết/Quyết định của HĐQT/HĐQT/ĐHĐCĐ thông qua
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân- Chi nhánh Tổng Cty Phát điện 3- Cty cổ phần	Thiên Thanh Sơn (Giám đốc)	Hợp đồng kinh tế (Cung cấp nước thô)		
1.1		31/12/2020	HĐCC Nước thô Trạm bơm Cty NĐ Vĩnh Tân	1.518.747.300	
2	Công ty CPKS và TM Sao Mai	Nguyễn Văn Mạnh (Tổng Giám đốc)	Hợp đồng kinh tế (Cung cấp nước thô)		
2.1		31/12/2020	HĐCC Nước thô cho Cty CPKS và TM Sao Mai	342.942.012	
3	Công ty TNHH MTV Nhà máy xi Titan Hưng Thịnh	Phạm Văn Định (Chủ tịch Cty)	Hợp đồng kinh tế (Cung cấp nước thô)		
3.1		08/10/2021	Hợp đồng kinh tế Cung cấp nước thô	88.676.532	

3	Công ty cổ phần thoát nước Bình Thuận	Nguyễn Nhật Khánh	Hợp đồng kinh tế (Cung cấp nước thô)		
3.1		25/02/2021	HĐCC Nước thô cho NM nước Sông Mao	173.823.300	
3.2		04/01/2021	HĐCC Nước thô cho NM nước Phan Thiết	5.624.834.670	
3.3		18/12/2020	HĐCC Nước thô cho NM nước Đá Dựng	1.356.471.900	
4	Công ty cổ phần Bình Hiệp	Lý Xuân Hùng	Hợp đồng kinh tế (Cung cấp nước thô)		
4.1		04/01/2021	HĐCC Nước thô cho NM nước Cà Giang	9.448.669.440	
5	Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn BT	Trần Văn Liêm	Hợp đồng kinh tế (Cung cấp nước thô)		
5.1		26/02/2021	HĐCC Nước thô cho NM nước Hồng Thái	54.951.750	
5.2		04/01/2021	HĐCC Nước thô cho NM nước Hồng Sơn	435.284.955	
5.3		04/01/2021	HĐCC Nước thô cho NM nước Hồng Liêm	219.800.385	
5.4		04/01/2021	HĐCC Nước thô cho NM nước Hàm Thuận Bắc	2.552.225.760	
5.5		04/01/2021	HĐCC Nước thô cho NM nước Đông Tiến	54.939.465	

5.6		04/01/2021	HĐCC Nước thô cho NM nước Ba Bàu	104.022.765	
5.7		04/01/2021	HĐCC Nước thô cho NM nước Thuận Nam	1.813.021.245	
5.8		04/01/2021	HĐCC Nước thô cho NM nước Sông Phan	31.064.040	
5.9		04/01/2021	HĐCC Nước thô cho NM nước Tân Thắng	648.730.499	
5.10		04/01/2021	HĐCC Nước thô cho NM nước Tân Xuân, Tân Nghĩa	1.150.740.675	
5.11		04/01/2021	HĐCC Nước thô cho NM nước Suối Kiết	104.786.325	
6	Nhà máy nước Tân Tiến	Chu Quang Vinh	Hợp đồng kinh tế (Cung cấp nước thô)		
6.1		04/01/2021	HĐCC Nước thô cho NM nước Tân Tiến	3.133.001.025	
7	Ban Quản Lý công trình công cộng huyện Bắc Bình	Phạm Thế Mỹ	Hợp đồng kinh tế (Cung cấp nước thô)		
7.1		01/3/2021	HĐCC Nước thô cho NM nước Phan Thanh	24.801.525	
8	Công ty TNHH xây lắp Trường An	Phạm Công Thừa	Hợp đồng thi công xây dựng công trình		
8.1		30-12-2021	Nhà quản lý vận hành hồ Phan Dũng	855.573.998	1957/QĐ-KTCTTL ngày 29/12/2021

11.15.2021.5.00.1.011

8.2		10-12-2021	Sửa chữa công điều tiết tại K2+660 trên kênh cấp nước thô khu công nghiệp Tuy Phong	358.166.755	1783/QĐ-KTCTTL ngày 9/12/2021
8.3		29-11-2021	Sửa chữa công, hàng rào nhà quản lý hồ Phan Dũng	657.768.972	1724/QĐ-KTCTTL ngày 29/11/2021
8.4		14-09-2021	Sửa chữa nhà quản lý trạm thủy nông Tuy Tĩnh	528.972.865	1248/QĐ-KTCTTL ngày 13/9/2021
8.5		31-08-2021	Sửa chữa đập Tú Sơn và kênh chính đập Tú Sơn đoạn từ K0+000 đến K5+000	874.584.876	1282/QĐ-KTCTTL ngày 14/9/2021
8.6		26-08-2021	Sửa chữa kênh chính Đông Đông Mới đoạn từ K2+628 đến K2+820	810.088.369	1136/QĐ-KTCTTL ngày 23/8/2021
8.7		26-08-2021	Sửa chữa kênh NI (kênh tiếp nước Nha Mung) đoạn từ K0+965 đến KC, chiều dài L=243m	730.191.931	1138/QĐ-KTCTTL ngày 23/8/2021
9	Công ty TNHH xây lắp Thọ Tấn	Nguyễn Hữu Thọ	Hợp đồng thi công xây dựng công trình		
9.1		26-11-2021	Sửa chữa đoạn kênh dẫn hạ lưu cụm chia nước tại K19+315 trên kênh chính Nam Tà Pao	548.297.277	1718/QĐ-KTCTTL ngày 26/11/2021
9.2		26-11-2021	Sửa chữa kênh VC11 đoạn từ K0+180 đến K0+415	902.635.072	1720/QĐ-KTCTTL ngày 26/11/2021
9.3		16-11-2021	Sửa chữa công tiêu tại K0+487 trên kênh tiêu suối Lập Lại	351.009.876	1586/QĐ-KTCTTL ngày 12/11/2021
9.4		04-10-2021	Sửa chữa nhà, hàng rào bảo vệ nhà máy; kênh chính đoạn từ K0+450 đến K1+000 trạm bơm La Ngâu	389.025.974	1280/QĐ-KTCTTL ngày 14/9/2021
9.5		04-10-2021	Sửa chữa kênh chính Bắc đoạn từ K0+260 đến K0+460 và từ K1+500 đến K2+100; sửa chữa các công tiêu tại: K15+762, K16+425, K16+565, K17+518, K19+155, K21+722 và các cụm điều tiết tại: K5+300, K8+220, K10+900, K13+150, K15+500 trên kênh chính Bắc và sân nhà	278.620.086	1282/QĐ-KTCTTL ngày 14/9/2021

			quản lý trên kênh chính Bắc		
9.6		14-09-2021	Sửa chữa: Hàng rào bảo vệ nhà máy; kênh chính Bắc đoạn từ K7+200 đến K8+740; công tưới tiêu kết hợp tại K8+337 trên kênh chính Bắc và kênh BN7 trạm bơm Đức Phú	817.026.485	1278/QĐ-KTCTTL ngày 14/9/2021
9.7		31-08-2021	Sửa chữa kênh tưới tiêu suối Đại Lộc đoạn từ K2+108 đến K6+469	805.278.434	1197/QĐ-KTCTTL ngày 30/8/2021
9.8		31-08-2021	Sửa chữa kênh VC5 đoạn từ K0+000 đến K0+180; sửa chữa nhà, sân nhà quản lý và kênh VC6A trạm bơm Tà Pao	907.143.691	1199/QĐ-KTCTTL ngày 30/8/2021
9.9		20-08-2021	Sửa chữa kênh N2 đoạn từ K0+000 đến K0+250 trạm bơm Võ Xu	762.313.923	1096/QĐ-KTCTTL ngày 18/8/2021
9.10		20-08-2021	Sửa chữa kênh chính Bắc đoạn từ K0+000 đến K3+188 trạm bơm Nam Chính	821.056.127	1098/QĐ-KTCTTL ngày 18/8/2021
9.11		20-08-2021	Sửa chữa kênh chính Tây trạm bơm Lô Ba đoạn từ K0+316 đến K1+000	863.086.577	1100/QĐ-KTCTTL ngày 18/8/2021
9.12		29-04-2021	Sửa chữa nhà vận hành tràn, nhà quản lý đầu mối, nhà vận hành công lấy nước đầu kênh Nam, nhà vận hành công lấy nước đầu kênh Bắc	839.181.417	510/QĐ-KTCTTL ngày 28/4/2021
9.13		26-04-2021	Sửa chữa cụm tưới tiêu kết hợp tại K5+945 trên kênh Bắc trạm bơm Đức Phú	820.854.576	486/QĐ-KTCTTL ngày 23/4/2021
9.14		26-04-2021	Sửa chữa cụm tưới tiêu kết hợp tại K1+132 trên kênh tưới tiêu Bàu Su, trạm bơm Tà Pao	680.181.927	488/QĐ-KTCTTL ngày 23/4/2021
9.15		22-04-2021	Sửa chữa kênh tiêu suối Lập Lài đoạn từ K3+400 đến K4+330	895.330.320	467/QĐ-KTCTTL ngày 20/4/2021
9.16		20-04-2021	Sửa chữa cống xả đáy tại K29+700 trên kênh chính Bắc	447.608.270	458/QĐ-KTCTTL ngày 19/4/2021
10	Công ty TNHH tổng	Lê Văn Lâm	Hợp đồng thi công xây dựng công trình		

	hợp Liên Sơn				
10.1		13-12-2021	Sửa chữa kênh N15B đoạn từ K0+320 đến K0+550	804.865.186	1812/QĐ-KTCTTL ngày 13/12/2021
10.2		13-12-2021	Sửa chữa kênh D8-20 đoạn từ K0+022 đến K0+069, từ K0+079 đến K0+196, từ K0+282 đến K0+472	913.980.326	1813/QĐ-KTCTTL ngày 13/12/2021
10.3		10-12-2021	Sửa chữa nhà quản lý và hàng rào xung quanh khuôn viên nhà quản lý Sông Linh	193.359.541	1785/QĐ-KTCTTL ngày 9/12/2021
10.4		10-12-2021	Sửa chữa đột xuất nhằm khắc phục tình trạng sạt lở bờ và bồi lắng lòng kênh Bắc Ba Bàu, huyện Hàm Thuận Nam	402.463.279	1789/QĐ-KTCTTL ngày 9/12/2021
10.5		10-12-2021	Trục vớt cây lục bình ú đọng trong lòng hồ chứa nước Sông Dinh 3, huyện Hàm Tân	357.260.280	1791/QĐ-KTCTTL ngày 9/12/2021
10.6		02-12-2021	Sửa chữa kênh tiếp nước hồ Sông Dinh 3 - đập Cô Kiều đoạn từ K0+180 đến KC, chiều dài 4.546m	663.459.482	1746/QĐ-KTCTTL ngày 2/12/2021
10.7		12-11-2021	Sửa chữa hàng rào, sân và mái che nhà quản lý Sông Phan	912.461.246	1086/QĐ-KTCTTL ngày 18/8/2021
10.8		27-10-2021	Sửa chữa mái che, nhà kho hồ chứa nước Cà Giây	228.152.487	1161/QĐ-KTCTTL ngày 25/8/2021
10.9		06-09-2021	Sửa chữa hàng rào bãi vật liệu dự phòng hồ chứa nước Sông Dinh 3	455.448.094	1180/QĐ-KTCTTL ngày 26/8/2021
10.10		27-08-2021	Sửa chữa mái che, nhà kho hồ chứa nước Cà Giây	203.746.246	1161/QĐ-KTCTTL ngày 25/8/2021
10.11		27-08-2021	Sửa chữa cống xả tại K0+500, đáy và mái tả kênh chính Đông Ba Bàu đoạn từ K9+057 đến K9+077	247.057.411	1178/QĐ-KTCTTL ngày 26/8/2021
10.12		23-08-2021	Sửa chữa nhà quản lý hồ Sông Móng	450.728.437	1125/QĐ-KTCTTL ngày 20/8/2021
10.13		20-08-2021	Sửa chữa hàng rào, sân và mái che nhà quản lý Sông Phan	916.956.270	1086/QĐ-KTCTTL ngày 18/8/2021
10.14		04-08-2021	Cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ tuyến ống đầy trạm bơm cấp 1, cấp 2 và tuyến kênh dẫn trạm bơm	145.656.455	974/QĐ-KTCTTL ngày 2/8/2021

10.15		02-08-2021	Sửa chữa mái che nhà vận hành trạm bơm cấp 1; sửa chữa bể hút, mái che nhà vận hành trạm bơm cấp 2	164.094.907	956/QĐ-KTCTTL ngày 29/7/2021
10.16		02-08-2021	Sửa chữa đường quản lý tuyến ống đẩy: Trạm bơm cấp 1 đoạn từ K0+580 đến K0+680, K0+730 đến K0+800 và đoạn từ K0+910 đến K0+970; Trạm bơm cấp 2 đoạn từ K0+170 đến K0+220, K0+330 đến K0+460, K0+520 đến K0+590, K0+760 đến K0+785 và đoạn từ K1+160 đến K1+220	414.327.133	966/QĐ-KTCTTL ngày 30/7/2021
10.17		14-06-2021	Sửa chữa kênh chính đập Ủy Thay đoạn từ K3+043 đến K3+243	863.029.410	689/QĐ-KTCTTL ngày 8/6/2021
10.18		14-06-2021	Sửa chữa kênh Ủy Thay - Đá Giá đoạn từ K14+790 đến K14+940	833.059.412	700/QĐ-KTCTTL ngày 9/6/2021
10.19		29-04-2021	Sửa chữa nhà vận hành tràn xả lũ hồ Sông Quao	789.811.110	514/QĐ-KTCTTL ngày 28/4/2021
10.20		26-04-2021	Sửa chữa kênh chính đập Tà Mú đoạn từ K3+374 đến K3+643	847.524.847	480/QĐ-KTCTTL ngày 23/4/2021
10.21		22-04-2021	Sửa chữa kênh chính đập Ma Ó đoạn từ K6+395 đến K6+685	913.778.183	477/QĐ-KTCTTL ngày 20/4/2021
10.22		20-04-2021	Sửa chữa mái kênh chính hồ Cà Giây	323.104.932	466/QĐ-KTCTTL ngày 20/4/2021
10.23		12-04-2021	Sửa chữa kênh chính Nam Tà Mú	69.669.468	373/QĐ-KTCTTL ngày 6/4/2021
10.24		12-04-2021	Nạo vét cống tiêu cầu Ông Vạt 2; nạo vét kênh tiêu cầu Ông Vạt 2 đoạn từ K0 đến K0+120	197.193.337	391/QĐ-KTCTTL ngày 9/4/2021
10.25		12-04-2021	Sửa chữa bờ tả tuyến kênh dẫn trạm bơm cấp 2 đoạn từ K1+646 đến K2+132	493.757.279	392/QĐ-KTCTTL ngày 9/4/2021
11	Công ty TNHH TM-DV Tiên Lộc	Nguyễn Đức Hạnh	Hợp đồng thi công xây dựng công trình		

11.1		26-11-2021	Sửa chữa kênh chính Sông Quao đoạn từ K25+430 đến K25+570	857.878.666	1714/QĐ-KTCTTL ngày 26/11/2021
11.2		17-11-2021	Sửa chữa nhà quản lý hồ Cẩm Hàng	125.001.985	1596/QĐ-KTCTTL ngày 12/11/2021
11.3		14-09-2021	Sửa chữa cống tiêu 6B tại K8+345 trên kênh chính Sông Quao	446.378.883	1246/QĐ-KTCTTL ngày 13/9/2021
11.4		27-08-2021	Sửa chữa mái tả kênh chính Sông Khán đoạn từ K0+468 đến K0+613	456.430.712	1167/QĐ-KTCTTL ngày 26/8/2021
11.5		27-08-2021	Sửa chữa kênh N33, hệ thống Sông Quao	70.783.274	1169/QĐ-KTCTTL ngày 26/8/2021
11.6		24-08-2021	Sửa chữa nhà thủy văn hồ Sông Quao	859.850.489	1134/QĐ-KTCTTL ngày 23/8/2021
11.7		24-08-2021	Sửa chữa kênh chính Đông hồ Cẩm Hàng đoạn từ K0+000 đến K0+200	251.843.514	1123/QĐ-KTCTTL ngày 20/8/2021
11.8		02-08-2021	Sửa chữa cống, hàng rào đường lên hồ Sông Quao	50.043.754	967/QĐ-KTCTTL ngày 30/7/2021
11.9		26-04-2021	Sửa chữa kênh chính hồ Sông Quao đoạn từ K18+770 đến K18+870	881.491.362	494/QĐ-KTCTTL ngày 23/4/2021
11.10		20-04-2021	Phát dọn kênh chính Đông hồ Cẩm Hàng	33.865.920	454/QĐ-KTCTTL ngày 19/4/2021
11.11		12-04-2021	Sửa chữa nền phía sau nhà quản lý hồ Cà Giang	69.539.609	393/QĐ-KTCTTL ngày 9/4/2021
12	Công ty TNHH XL-TM Long Phát	Nguyễn Tường Long	Hợp đồng thi công xây dựng công trình		
12.1		22-04-2021	Sửa chữa kênh chính Cây Cà đoạn từ K0+830 đến K1+800	813.509.159	473/QĐ-KTCTTL ngày 20/4/2021
12.2		12-04-2021	Lắp đặt Trạm biến áp 3x25kVA - 22/0.4 KV tại trạm bơm Đá Dựng	316.888.884	389/QĐ-KTCTTL ngày 9/4/2021

Giải thích:

- (2) : Ghi rõ tên của bên thực hiện giao dịch;
- (3) : Thời gian bắt đầu thực hiện giao dịch;
- (4) : Ghi rõ nội dung giao dịch (Ví dụ: Hợp đồng kinh tế, Hợp đồng cho vay, Hợp đồng đi vay...);
- (5) : Ghi rõ giá trị giao dịch (Ví dụ: Tỷ đồng, nghìn USD..);
- (6) : Ghi rõ số, ngày tháng văn bản của cấp có thẩm quyền ban hành về việc thực hiện giao dịch.

VI. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

- Tổng số lao động của doanh nghiệp (người): 579 người.
Trong đó:
 - + Lao động thực tế sử dụng bình quân : 575 người.
 - + Người quản lý doanh nghiệp : 04 người.
- Mức lương trung bình người lao động (triệu đồng): 9.389.188 đồng/tháng.
- Tiền thưởng, thu nhập khác của người lao động (triệu đồng)